

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 406/2025/DS-PT

Ngày: 25 - 12 - 2025

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang

Ông Phạm Cao Gia

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2025/TLPT-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2025/DS-ST, ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 393/2025/QĐ-PT, ngày 06 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 354/2025/QĐ-PT, ngày 25/11/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Đình T, sinh năm 1984 – Công ty L. Địa chỉ: ADV01 khu nhà ở xã hội đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là ADV01 khu nhà ở xã hội đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Trung T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968. Địa chỉ: A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thành N. Địa chỉ: D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là D L, phường E, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Duy H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: E P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là E P, phường Đ, tỉnh Bình Phước), vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964. Địa chỉ: 7 T, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là 7 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Trung T1, bà Nguyễn Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Đăng Đình T3 trình bày:

Vào ngày 10/4/2023, ông Lê Văn H có cho ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay: Từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/10/2023, mục đích vay để xây nhà. Lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Khi vay không thế chấp tài sản gì.

Sau khi ông Lê Văn H cho ông T1, bà T2 vay tiền thì ông T1, bà T2 có trả đủ tiền lãi cho ông Lê Văn H từ ngày vay 10/4/2023 đến hết tháng 10 năm 2024. Kể từ tháng 11/2024 đến nay ông T1, bà T2 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông H. Nguyên đơn không đồng ý cho ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi trả hết nợ.

Nay ông H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho ông H số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và lãi xuất 1%/tháng kể từ ngày 01/11/2024 vay đến nay.

Đối với lời khai của ông Lê Trung T1 và bà Lê Thị T4 và ông Lê Duy H1 cho rằng nợ 300.000.000 đồng là do ông Lê Duy H1 nợ bà B chứ không phải ông Lê Trung T1 và bà Lê Thị T4 nợ ông Lê Văn H thì nguyên đơn không đồng ý vì giấy vay tiền thể hiện ông Lê Trung T1 và bà Lê Thị T4 vay của ông Lê Văn H chứ ông Lê Duy H1 không liên quan gì đến ông Lê Văn H. Do vậy, đề nghị Tòa án không đưa ông Lê Duy H1 vào tham gia tố tụng.

Bị đơn ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thành N trình bày:

Ông Lê Duy H1 là con trai của ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị B, năm 2023 ông Lê Duy H1 có nợ của bà Nguyễn Thị B số tiền 300.000.000 đồng nhưng do ông H1 không có tài sản gì để đảm bảo việc trả khoản nợ này nên bà B đã yêu cầu chúng tôi ký vào giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 vay của ông Lê Văn H – sinh năm 1968 số tiền 300.000.000 đồng. Chúng tôi thừa nhận chữ ký chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 là của tôi (Lê Trung T1 và Nguyễn Thị T2). Tuy nhiên chúng tôi khẳng định chúng tôi không vay mượn hoặc nhận bất cứ khoản tiền nào của ông Lê Văn H. Số tiền nợ 300.000.000 đồng là khoản nợ của ông Lê Duy H1 đối với bà Nguyễn Thị B. Ông Lê Duy H1 cũng thừa nhận khoản nợ này và trực tiếp trả tiền lãi mỗi tháng cho bà Nguyễn Thị B.

Chúng tôi khẳng định chúng tôi không vay mượn hoặc nhận bất cứ khoản tiền nào của ông Lê Văn H. Do đó chúng tôi không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người được ủy quyền của bị đơn ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 xác định: Đối với bảng kê tài khoản Ngân hàng của ông Lê Trung T1 mà ông Lê Duy H1 trình bày nộp cho Tòa án là ông T1 đã trả số tiền 105.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị B thì bị đơn xác định đó là khoản vay riêng không liên quan gì đến khoản vay Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 vay ông Lê Văn H nên xác định là khoản vay 300.000.000 đồng là ông Lê Duy H1 nợ bà Nguyễn Thị B chứ không liên quan đến ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy H1 trình bày:

Tôi là con trai ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị B. Năm 2022 tôi buôn bán bất động sản bị thất bại nên có nhờ bố tôi là Lê Trung T1 vay mẹ tôi là bà Nguyễn Thị B, sau đó không có khả năng trả nợ nên tôi đã bán miếng đất cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị B để cân nợ của tôi. Sau khi bán vẫn còn nợ lại 300.000.000 đồng mẹ tôi yêu cầu ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 đứng ra ghi giấy nợ vào ngày 10/04/2023 với ông Lê Văn H lãi suất thỏa thuận 10.500.000 đồng/tháng sau khi đóng được 06 tháng tôi không còn khả năng đóng nữa nên tôi có nhắn Zalo cho mẹ tôi xin giảm tiền lãi xuống còn 3.000.000 đồng và tôi tiếp tục đóng đến tháng 11/2024 tổng tiền lãi là 101.000.000 đồng. Giấy vay ngày 10/4/2023 ông T1, bà T2 không nhận tiền của ông Lê Văn H. Tôi đề nghị ông Lê Văn H giảm số tiền gốc mà tôi và bố tôi đã trả. Số tiền gốc còn lại đề nghị không đóng lãi và chia nhỏ trả dần theo tháng, theo quý để giảm bớt áp lực cho bố tôi và tôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 10/4/2023, ông Lê Văn H có cho ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay: Từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/10/2023, mục đích vay để sửa nhà. Lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Khi vay không thế chấp tài sản gì. Giấy vay tiền là do ông Lê Trung T1 tự viết và ông T1, bà T2 ký tên.

Sau khi ký giấy vay tiền, ông Lê Văn H đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông T1, bà T2. Ngoài ra, tôi (B) là người chứng kiến, khi hai bên ký kết giấy vay tiền với nhau. Tôi có chứng kiến việc ông Lê Văn H giao số tiền 300.000.000 đồng cho ông T1, bà T2. Sau khi ông Lê Văn H cho ông T1, bà T2 vay tiền thì ông T1, bà T2 có trả đủ tiền lãi cho ông Lê Văn H từ ngày vay 10/4/2023 đến hết tháng 10 năm 2024. Kể từ tháng 11/2024 đến nay ông T1, bà T2 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông H.

Giữa tôi và ông Lê Duy H1 không hề có khoản nợ 300.000.000 đồng nào nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST, ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả số tiền 336.833.000 đồng; trong đó 300.000.000 đồng nợ gốc và 36.833.000 đồng lãi cho ông Lê Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2025, bị đơn ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST, ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tính xác thực của Giấy vay tiền*: Giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 có chữ viết, chữ ký của ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2. Khi làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn nhiều lần thừa nhận việc vay 300.000.000 đồng của ông H để sửa chữa nhà và xin trả dần vì khó khăn. Việc thừa nhận này là phù hợp với lời khai của nguyên đơn và của bà Nguyễn Thị B, đồng thời phù hợp với diễn biến trả lãi trong thời gian dài từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2024. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế đã phát sinh.

- *Về lý do ký thay cho ông Lê Duy H1 mà bị đơn đưa ra*: Bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh giữa bà B và ông H1 có khoản nợ 300.000.000 đồng. Ông H1 cũng không đưa ra được văn bản, giấy tờ nào chứng minh việc nhờ ông T1, bà T2 ký giấy nợ thay. Do đó, suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh có việc bà B yêu cầu ông T1, bà T2 ký giấy vay 300.000.000 đồng thay cho ông H1, cũng không chứng minh được sự tồn tại của quan hệ vay mượn giữa ông H1 và bà B. Lời khai của bị đơn và ông H1 là không có căn cứ, mâu thuẫn với các chứng cứ khách quan khác trong hồ sơ. Ngược lại, lời khai của bà Nguyễn Thị B, người được xác định là người liên quan khẳng định không có khoản nợ nào giữa bà và ông Lê Duy H1, đồng thời bà trực tiếp chứng kiến việc ông H giao số tiền 300.000.000 đồng cho ông T1, bà T2 ngay sau khi ký giấy vay. Lời khai này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, phù hợp với tình tiết bị đơn đã trả tiền lãi suốt từ tháng 4/2023 đến hết tháng 10/2024, cho thấy chính bị đơn là người thừa nhận và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng vay.

Việc bị đơn cho rằng tiền lãi được ông Lê Duy H1 trả là không đủ căn cứ, bởi chính ông H1 trình bày việc mình trả lãi thay cho bố mẹ là hoàn toàn tự nguyện, không làm thay đổi nghĩa vụ vay của bên vay được xác lập trong giấy vay.

Các tài liệu bị đơn xuất trình như bảng kê giao dịch ngân hàng 105.000.000 đồng không chứng minh được số tiền này có liên quan đến khoản vay 300.000.000 đồng đã ký ngày 10/4/2023. Bị đơn cũng thừa nhận đây là khoản giao dịch riêng, không liên quan đến khoản vay tranh chấp.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tiền giữa ông Lê Văn H và ông Lê Trung T1, bà Nguyễn Thị T2 được xác lập hợp pháp theo Điều 463 Bộ luật dân sự; bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là hoàn toàn đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tình tiết mới, không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lê Trung T1 thuộc trường hợp người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí, vì vậy ông T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung T1, bà Nguyễn Thị T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST, ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc ông Lê Trung T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả số tiền 336.833.000 đồng; *(Trong đó 300.000.000 đồng nợ gốc và 36.833.000 đồng lãi)* cho ông Lê Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Trung T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T2 phải nộp số tiền 8.420.825 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 0012570, ngày 30/10/2024.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí do Lê Thị Kim C nộp thay theo Biên lai số AA/2023/0011176, ngày 17/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuận